Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8473.30.90

Mã HS	8473.30.90
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện (trừ vỏ, hộp đựng và các loại tương tự) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.70 đến 84.72 / - Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.71: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 10:21:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84733090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14364
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14364
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14364
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13708
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13649
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13649
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13649
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13649
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13649
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13649
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13703
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13703
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13703

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13703
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13703
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13703
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13704
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13704
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13704
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13704
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13704
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13704
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13707
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13655
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13663
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13663
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13663
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13663
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13663
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13663
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13694
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13694
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13694
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13694
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13694
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13694
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13743
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13743
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13743

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13743
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13743
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13743
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13726
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13726
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13726
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13726
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13726
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13726
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D13726
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E13726
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F13726
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G13726
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H13726
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I13726
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13741
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13741
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13741
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13741
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13741
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13741
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13740
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13740
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13740
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13740
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13740

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13740
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13720
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13720
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13720
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13720
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13720
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13720
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13720
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13728
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13728
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13728
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13728
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13728
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13728
RCEP B	2022	2022	0	B!D13728
RCEP B	2023	2023	0	B!E13728
RCEP B	2024	2024	0	B!F13728
RCEP B	2025	2025	0	B!G13728
RCEP B	2026	2026	0	B!H13728
RCEP B	2027	2027	0	B!I13728
RCEP C	2022	2022	0	C!D13728
RCEP C	2023	2023	0	C!E13728
RCEP C	2024	2024	0	C!F13728
RCEP C	2025	2025	0	C!G13728
RCEP C	2026	2026	0	C!H13728
RCEP C	2027	2027	0	C!I13728

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13727
RCEP D	2023	2023	0	D!E13727
RCEP D	2024	2024	0	D!F13727
RCEP D	2025	2025	0	D!G13727
RCEP D	2026	2026	0	D!H13727
RCEP D	2027	2027	0	D!I13727
RCEP E	2022	2022	0	E!D13731
RCEP E	2023	2023	0	E!E13731
RCEP E	2024	2024	0	E!F13731
RCEP E	2025	2025	0	E!G13731
RCEP E	2026	2026	0	E!H13731
RCEP E	2027	2027	0	E!I13731
RCEP F	2022	2022	0	F!D13728
RCEP F	2023	2023	0	F!E13728
RCEP F	2024	2024	0	F!F13728
RCEP F	2025	2025	0	F!G13728
RCEP F	2026	2026	0	F!H13728
RCEP F	2027	2027	0	F!I13728
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12743
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12743
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12743
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12743

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8473.30 có 2 dòng thuế; dòng 8473.30.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8473.30.10 Tấm mạch in đã lắp ráp	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8473.30.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8473.30.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14364), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.